

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

-----❧ ❧ ❧-----

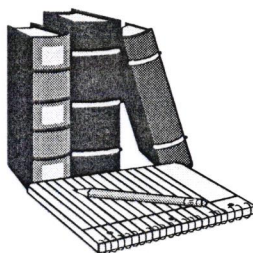


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----❧ ❧ ❧-----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2020

-----❧ ❧ ❧-----



Nơi nhận:

Bình Định, ngày 29 tháng 01 năm 2021

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	2 - 3
3. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp từ ngày 01/01/2020 -> 31/12/2020	4
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp từ ngày 01/01/2020 -> 31/12/2020	5 - 6
5. Bảng thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp từ ngày 01/01/2020 -> 31/12/2020	7 - 29

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		157.250.126.735	154.663.839.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.211.195.131	19.105.219.271
1. Tiền	111		17.211.195.131	19.105.219.271
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
II. Các khoản phải thu	130		98.209.145.001	109.252.951.734
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	26.099.359.428	14.174.355.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	16.652.735.860	60.616.251.180
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		39.365.000.000	18.410.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	19.510.769.918	17.909.740.369
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6a	(3.418.720.205)	(1.857.395.146)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	39.761.444.678	25.966.379.697
1. Hàng tồn kho	141		39.761.444.678	25.966.379.697
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.068.341.925	339.288.549
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	469.853.687	339.288.549
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.598.488.238	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		283.338.505.828	300.171.793.896
I. Tài sản cố định	220		60.173.596.051	63.787.257.591
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	48.963.094.979	52.254.616.231
<i>Nguyên giá</i>	222		101.960.819.840	101.610.919.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(52.997.724.861)	(49.356.303.609)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.210.501.072	11.532.641.360
<i>Nguyên giá</i>	228		13.661.264.000	13.661.264.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.450.762.928)	(2.128.622.640)
II. Bất động sản đầu tư	230	V.11	37.584.671.210	40.362.774.729
<i>Nguyên giá</i>	231		47.581.767.270	50.049.350.032
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(9.997.096.060)	(9.686.575.303)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	5.796.972.688	6.389.748.881
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		5.223.006.318	5.758.621.872
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		573.966.370	631.127.009
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	172.730.817.077	181.672.290.346
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	39.561.955.290	38.196.355.290
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	127.476.363.712	138.040.333.312
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.759.121.921)	(2.016.018.252)
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.052.448.802	7.959.722.349
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.970.386.893	6.298.709.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	1.082.061.909	1.661.012.919
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		440.588.632.563	454.835.633.147

Báo cáo này phải được đọc cùng với Thuyết minh báo cáo tài chính

 2

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		131.492.395.322	140.396.097.302
I. Nợ ngắn hạn	310		55.474.990.909	68.068.803.981
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	11.246.443.488	4.809.829.134
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	5.387.140.681	6.585.631.468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	605.219.820	2.190.113.213
4. Phải trả người lao động	314		3.423.858.935	3.606.172.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	792.929.636	757.232.452
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19a	3.007.250.971	2.865.247.433
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	1.379.302.104	4.708.155.331
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	29.074.113.875	41.230.267.654
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	558.731.399	1.316.155.286
II. Nợ dài hạn	330		76.017.404.413	72.327.293.321
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19b	76.017.404.413	72.327.293.321
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.096.237.241	314.439.535.845
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	309.096.237.241	314.439.535.845
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.397.496.193	11.397.496.193
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.698.741.048	28.042.039.652
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.043.571	42.245.928
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.688.697.477	27.999.793.724
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		440.588.632.563	454.835.633.147

Bình Định, ngày 29 tháng 01 năm 2021



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2020 -> 31/12/2020

Mẫu B02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Từ 01/10/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/10/2019 đến 31/12/2019	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39.972.980.546	45.192.869.515	220.795.718.942	408.617.184.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	VI.1	39.972.980.546	45.192.869.515	220.795.718.942	408.617.184.267
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.778.069.250	33.351.431.851	199.995.293.003	369.865.351.146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		7.194.911.296	11.841.437.664	20.800.425.939	38.751.833.121
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.648.718.513	16.879.749.017	18.546.729.751	23.004.560.693
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.617.481.528	1.020.080.807	6.676.520.631	4.591.235.644
Trong đó: chi phí lãi vay	23		331.837.261	567.278.875	1.655.083.246	3.063.241.138
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.301.925.436	1.045.910.507	4.451.002.964	11.943.634.064
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3.780.715.362	4.221.691.389	13.220.520.204	14.014.822.146
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.143.507.483	22.433.503.978	14.999.111.891	31.206.701.960
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	353.361.818	11.715.907.567	183.991.295
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	321.516	1.016.698.145	528.588
13. Lợi nhuận khác	40		-	353.040.302	10.699.209.422	183.462.707
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.143.507.483	22.786.544.280	25.698.321.313	31.390.164.667
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	556.354.787	2.084.639.165	2.430.672.826	2.681.197.249
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		342.464.839	78.828.723	578.951.010	709.173.694
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.244.687.857	20.623.076.392	22.688.697.477	27.999.793.724
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		x	x	x	x
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		x	x	x	x

Bình Định, ngày 29 tháng 01 năm 2021



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Theo phương pháp gián tiếp****Từ ngày 01/01/2020 -> 31/12/2020****Mẫu B03 - DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)**Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.698.321.313	31.390.164.667
2. Điều chỉnh cho các khoản:			(11.589.825.195)	(11.922.678.519)
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	VII.1	5.810.293.880	5.990.517.869
- Các khoản dự phòng	03	VII.2	1.304.428.728	1.196.565.238
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		64.370.923	29.089.277
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII.3	(20.424.001.972)	(22.202.092.041)
- Chi phí lãi vay	06		1.655.083.246	3.063.241.138
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.108.496.118	19.467.486.148
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.563.317.546	38.270.136.286
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13.023.259.609)	12.379.119.138
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		5.571.808.055	4.192.266.089
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		197.757.399	(567.505.460)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.691.022.326)	(3.085.186.662)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.958.957.204)	(635.608.887)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.930.000	2.090.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.301.349.968)	(2.200.457.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.478.720.011	67.822.339.317
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.433.879.818)	(1.669.188.855)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.208.708.909	312.727.272



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
3. Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.955.000.000)	(16.220.780.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	10.190.780.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.614.080.000)	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		9.005.280.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		18.133.187.544	9.766.251.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.344.216.635	(2.620.210.487)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.4	111.252.801.040	138.576.308.674
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.5	(123.472.003.523)	(180.826.302.915)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.494.366.500)	(22.825.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.713.568.983)	(65.074.994.241)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.890.632.337)	127.134.589
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.105.219.271	18.977.912.409
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.391.803)	172.273
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		17.211.195.131	19.105.219.271

Bình Định, ngày 29 tháng 01 năm 2021


Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởngĐông Thị Ánh
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Từ ngày 01/01/2020 -> 31/12/2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty Pisico Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của PISICO theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: trồng và khai thác rừng; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Thăm dò, khai thác, chế biến mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu cho ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Kinh doanh dịch vụ cảng biển; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ ăn uống; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, giao nhận và bảo quản hàng hóa; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản; Đầu tư tài chính vào các DN,....

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Pisico được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp:

a. Danh sách các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	Phường Nhơn Bình, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	70,83%	70,83%
Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	10.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	24.500.000.000	51%	51%
Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây Sơn, TP.Quy nhơn	5.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Pisico Đắk Lắk	25 An Dương Vương, TT M-Đrăk, H.M'Đrăk, Tỉnh Đắk Lắk	15.000.000.000	75,87%	75,87%

b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ theo GPKD	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, TP.Quy nhơn	180.000.000.000	50,00%	50,00%
Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	22.500.000.000	40,01%	40,01%
Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	23.800.000.000	44,97%	44,97%
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định (Gián tiếp)	Đường Tây Sơn, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	9.000.000.000	45,00%	22,95%

c. Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

► Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico

Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

► Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các chi nhánh trực thuộc. Các giao dịch và số dư nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá được chọn để áp dụng trong kế toán: tỷ giá được niêm yết tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Pisico được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản khác mà Pisico nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty con là các công ty do Pisico kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Pisico có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là một công ty mà Pisico có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Pisico. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Pisico không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên thời gian thu hồi còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà có bằng chứng cho thấy người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho, các chi phí thu mua (nếu có), các chi phí gia công sản xuất (nếu có)... để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, và khi có bằng chứng cho thấy giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản khác	04 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao theo quy định hiện hành. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất là 50 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 4 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Pisico nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Pisico phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ, khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ mà Pisico phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác.

Nợ phải trả được phân loại trình bày ngắn và dài hạn khi lập Báo cáo tài chính dựa trên thời gian thanh toán còn lại kể từ thời điểm báo cáo.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Pisico đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Pisico không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Pisico sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Pisico có quyền nhận khoản lãi.

13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN áp dụng trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ thuế hoặc được khấu trừ ở các năm khác (bao gồm cả số lỗ mang sang, nếu có).

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất, và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó phát sinh liên quan đến khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Pisico có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, và Pisico có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Tiền mặt	747.570.243	163.039.105
Tiền gửi ngân hàng	16.463.624.888	18.942.180.166
Các khoản tương đương tiền		-
Cộng	17.211.195.131	19.105.219.271

2. Các khoản đầu tư tài chính

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
c.1 Đầu tư vào Công ty con	-	39.561.955.290	-	38.196.355.290
- Công ty CP DV PT Hạ tầng P.B.C	1.062.500	13.625.000.000	1.062.500	13.625.000.000
- Cty TNHH MTV truyền hình Cáp Quy Nhơn		5.469.524.664	-	5.469.524.664
- Cty Nguyên liệu giấy QN		14.101.830.626	-	14.101.830.626
- Cty TNHH MTV HR PISICO		5.000.000.000		5.000.000.000
- Cty CP PISICO Đắc Lắc	136.560	1.365.600.000	-	-
c.2 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	127.476.363.712	-	138.040.333.312
- Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	9.000.000	110.011.633.155	9.000.000	110.011.633.155
- Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	-	-	550.528	5.812.449.600
- Công ty CP chế biến gỗ Nội thất PISICO	900.300	7.796.250.557	600.200	7.796.250.557
- Công ty CP PISICO - Hà Thanh	1.070.278	9.668.480.000	742.000	7.420.000.000
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO		-		7.000.000.000



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
c.3 Đầu tư dài hạn khác	-	7.451.619.996	-	7.451.619.996
- Cổ phiếu VICOSIMEX	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
- Công ty CP CB tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
- Cty CP CB LS PISICO Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Cộng	-	174.489.938.998	-	183.688.308.598

c.4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Dự phòng đầu tư vào các Công ty con	875.215.948	-
- Công ty TNHH MTV HR PISICO	875.215.948	-
Dự phòng đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết	-	1.132.112.279
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	-	1.132.112.279
Dự phòng đầu tư vào các khoản đầu tư dài hạn khác	883.905.973	883.905.973
- Công ty CP chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
Cộng	1.759.121.921	2.016.018.252

3. Phải thu khách hàng

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	26.099.359.428	14.174.355.331
Văn phòng Tổng Công ty	4.589.707.788	2.825.838.451
CTY TNHH TM ÁNH VY	278.042.038	55.488.800
CTY TNHH TM DV VÂN NGUYỄN	486.167.282	486.167.282
Cty CP PISICO Hà Thanh	3.767.018.400	722.885.300
Công ty CP HD Furniture Group	-	305.865.000
Công ty NLG Quy Nhơn	-	1.185.836.500
Khách hàng khác	58.480.068	69.595.569
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	15.892.565.914	6.510.405.391
Công ty TNHH TM Ánh Vy	6.384.830.464	1.452.090.750
AGRA VIS RAIFFEISEN	2.143.139.544	
EUROMATE GMBH	2.177.707.247	
LANDI SCHWEIZ AG	863.019.535	
Công ty TNHH SXTM Tâm Phú	-	601.118.358
Công ty CP Kỹ nghệ gỗ Tiến Đạt	-	1.639.003.424
Khách hàng ASINDO	-	2.818.192.859
OBI	3.842.217.269	



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Khách hàng khác	481.651.855	-
Xí nghiệp kinh doanh & Phát triển Hạ tầng PISICO	5.617.085.726	4.838.111.489
CTY CP ĐT QTẾ & XNK DHT	1.234.765.247	1.063.628.703
CTY CP GỖ ĐẠI PHÚC	960.662.430	318.441.805
CTY TNHH HOÀNG GIA	469.830.304	468.322.855
CTY TNHH VẠN ĐẠI	1.915.861.472	1.911.231.113
CTY CỔ PHẦN PISICO - HÀ THANH	437.701.946	437.513.930
Khách hàng khác	598.264.327	638.973.083
Cộng	26.099.359.428	14.174.355.331
4. Trả trước cho người bán		
	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.652.735.860	60.616.251.180
Văn phòng Tổng Công ty	16.347.790.000	60.281.751.180
CTY TNHH TM ÁNH VIỆT	14.300.000.000	17.000.000.000
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	-	43.000.000.000
CTCP TƯ VẤN TK XD PHƯƠNG VIỆT	1.697.790.000	-
Khách hàng khác	350.000.000	281.751.180
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	304.945.860	4.500.000
CTY TNHH XÂY DỰNG-SX&TM PHƯỚC AN	300.445.860	-
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn	4.500.000	4.500.000
Cty TNHH ĐT & XD Lê Gia	-	230.000.000
Công ty TNHH DV Danh Thắng	-	100.000.000
Cộng	16.652.735.860	60.616.251.180
5. Phải thu khác		
	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Phải thu khác ngắn hạn	19.510.769.918	17.909.740.369
Văn phòng Tổng Công ty	19.470.637.634	17.860.318.301
Công ty CP KD CNN Bình Định	1.159.661.796	669.747.800
Công ty CP chế biến Tinh bột sắn Bình Định	1.033.203.572	1.033.203.572
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	3.590.760.273	2.795.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	2.173.510.957	1.105.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	2.146.929.985	87.303.392
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	13.880.220	14.776.137
Cổ tức đầu tư ngoài doanh nghiệp	7.764.195.518	12.150.200.400
Các khoản phải thu khác	1.295.087.000	5.087.000
Ký quỹ	293.408.313	-
Xí nghiệp chế biến lâm sản xuất khẩu PISICO	31.542.805	46.968.480
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	27.172.765	44.846.080

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Tạm ứng CBCNV của XN CB LS XK PISICO	4.370.040	2.122.400
Xí nghiệp kinh doanh & Phát triển Hạ tầng PISICO	8.589.479	2.453.588
BHXH + BHYT + BHTN (10,5%)	2.589.479	2.453.588
Tạm ứng CBCNV của XN KD & PT HT	6.000.000	
Cộng	19.510.769.918	17.909.740.369

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	3.418.720.205	1.857.395.146
Cộng	3.418.720.205	1.857.395.146

*** Tổng hợp tuổi nợ dự phòng:**

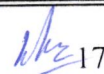
Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
1.851.570.877	-	Trên 3 năm	541.765.308	-	Trên 3 năm
632.633.483	189.790.045	Từ 2-3 năm	900.962.269	270.288.679	Từ 2-3 năm
1.519.223.780	759.611.888	Từ 1-2 năm	1.030.989.435	515.494.718	Từ 1-2 năm
1.215.646.659	850.952.661	Từ 6 tháng - 1 năm	564.871.771	395.410.240	Từ 6 tháng - 1 năm
5.219.074.799	1.800.354.594		3.038.588.783	1.181.193.637	

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Nguyên liệu, vật liệu	13.941.590.356	13.792.612.856
Công cụ, dụng cụ	-	33.154.821
Sản phẩm dở dang	18.805.643.190	11.007.345.684
Thành phẩm	3.555.506.703	348.428.738
Hàng hóa	3.458.704.429	645.609.522
Hàng mua đang đi đường	-	139.228.076
Cộng	39.761.444.678	25.966.379.697

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	5.223.006.318	5.758.621.872
- CP Rừng kinh tế	4.986.816.500	5.758.621.872
- CP dự án Nhà ở xã hội Pisico	236.189.818	-
b. Xây dựng cơ bản dở dang	573.966.370	631.127.009
- XDCB Cụm công nghiệp Canh Vinh	573.966.370	631.127.009
Cộng	5.796.972.688	6.389.748.881



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
a. Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2020	64.891.444.741	24.073.244.935	10.947.714.354	810.556.469	887.959.341	101.610.919.840
Đầu tư mới	-	170.000.000	1.329.900.000	-	-	1.499.900.000
Thanh lý TSCĐ	-	450.000.000	700.000.000	-	-	1.150.000.000
Tại ngày 31/12/2020	64.891.444.741	23.793.244.935	11.577.614.354	810.556.469	887.959.341	101.960.819.840
b. Giá trị hao mòn						
Tại ngày 01/01/2020	25.496.851.572	16.034.581.460	6.290.931.238	757.733.290	776.206.049	49.356.303.609
Trích khấu hao	2.837.983.725	1.111.749.387	771.850.259	15.908.677	53.929.204	4.791.421.252
Thanh lý TSCĐ	-	450.000.000	700.000.000	-	-	1.150.000.000
Tại ngày 31/12/2020	28.334.835.297	16.696.330.847	6.362.781.497	773.641.967	830.135.253	52.997.724.861
c. Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	39.394.593.169	8.038.663.475	4.656.783.116	52.823.179	111.753.292	52.254.616.231
Tại ngày 31/12/2020	36.556.609.444	7.096.914.088	5.214.832.857	36.914.502	57.824.088	48.963.094.979

10. Tài sản cố định vô hình

	QSD đất VP TCTy	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
a Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
Tại ngày 31/12/2020	13.607.264.000	54.000.000	13.661.264.000
b Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	2.088.122.640	40.500.000	2.128.622.640
Trích khấu hao	308.640.288	13.500.000	322.140.288
Tại ngày 31/12/2020	2.396.762.928	54.000.000	2.450.762.928
c Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	11.519.141.360	13.500.000	11.532.641.360
Tại ngày 31/12/2020	11.210.501.072	-	11.210.501.072

11. Bất động sản đầu tư

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh
a. Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020	50.049.350.032
Đầu tư mới	-
Giảm tài sản	2.467.582.762
Tại ngày 31/12/2020	47.581.767.270



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh
b. Hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	9.686.575.303
Trích khấu hao	696.732.340
Giảm tài sản	386.211.583
Tại ngày 31/12/2020	9.997.096.060
c. Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	40.362.774.729
Tại ngày 31/12/2020	37.584.671.210

12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Chi phí trả trước ngắn hạn	469.853.687	339.288.549
Chi phí trả trước dài hạn	5.970.386.893	6.298.709.430
Cộng	6.440.240.580	6.637.997.979

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 01/01/2020	Tiền vay nhận được trong kỳ	Tiền vay đã trả trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/12/2020
a. Vay ngắn hạn	41.230.267.654	111.252.801.040	123.472.003.523	63.048.704	29.074.113.875
VCB Quy Nhơn	37.230.267.654	111.252.801.040	119.472.003.523	63.048.704	29.074.113.875
Truyền hình cáp Quy Nhơn	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
Tổng cộng	41.230.267.654	111.252.801.040	123.472.003.523	63.048.704	29.074.113.875

14. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Phải trả người bán ngắn hạn	11.246.443.488	4.809.829.134
Văn phòng Tổng Công ty	5.519.902.831	2.319.847.171
SCANCOM	2.620.420.054	
CTY CP KD CNN BÌNH ĐỊNH (BIDINA)	-	139.228.076
CTY TNHH SXTM & DV ĐỨC THỊNH	313.127.732	830.584.375
CTY TNHH MTV HẬU MINH	1.137.824.820	154.434.720
Khách hàng khác	1.448.530.225	1.195.600.000
Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO	5.477.123.260	1.783.834.921
CTY TNHH TM&DV HOÀNG TRANG	1.096.883.357	247.907.253
CÔNG TY TNHH ĐỨC THÀNH	902.862.475	227.271.599
CTY TNHH HOÀNG TÂM	435.322.389	-
CTY TNHH HIẾU NAM	549.142.000	-
CỬA HÀNG PHÚC KHÔI	704.606.206	43.293.305

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
CTY TNHH TM VÀ XD HUNG VIỆT	11.880.000	-
CTY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ TM TOÀN TÂM	-	7.042.490
CTY CPSX TM VĨNH PHÚC	440.638.000	215.546.100
Khách hàng khác	1.335.788.833	1.042.774.174
Xí nghiệp lâm nghiệp PISICO	209.119.700	685.391.475
Võ Xuân Khanh	58.667.000	-
Cty TNHH Lâm nghiệp Quỳnh Nhân	78.120.000	
DNTN Lê Huy Huyền		323.291.650
Cty TNHH MTV Hậu Minh	68.040.000	343.557.925
DNTN TM Bình An	4.292.700	18.541.900
Xí nghiệp kinh doanh & PT hạ tầng PISICO	40.297.697	20.755.567
TT Nước sạch & Vệ sinh MT	34.057.697	20.755.567
DNTN IN KIM ĐỨC	6.240.000	-
Cộng	11.246.443.488	4.809.829.134

15. Người mua trả trước tiền hàng

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn	5.387.140.681	6.585.631.468
Văn phòng Tổng Công ty	4.782.330.624	6.208.649.831
Công ty TNHH trồng rừng Quy Nhơn	4.782.330.624	4.808.649.831
Công ty TNHH ĐT XD YT Gia Thanh	-	1.400.000.000
Xí nghiệp chế biến lâm sản XK PISICO	554.810.057	325.481.637
KHÁCH HÀNG MIDAN GLOBAL	507.841.460	-
Khách hàng khác	46.968.597	325.481.637
Xí nghiệp kinh doanh & PT hạ tầng PISICO	50.000.000	51.500.000
Công ty TNHH SX Gia Hưng	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH TM XD Long Phước	-	1.500.000
Cộng	5.387.140.681	6.585.631.468



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2020	
				Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT bán hàng nội địa	60.264.657	1.637.088.914	1.697.353.571	-	-
Thuế GTGT hàng NK	5.663.561	387.383.847	393.047.408	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.124.720.537	2.124.720.537	-	-
Thuế thu nhập DN	2.084.639.165	2.430.672.826	3.958.957.204	556.354.787	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Thuế nhà đất, thuê đất	-	517.288.469	517.288.469	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	39.545.830	538.319.512	529.000.309	48.865.033	-
Cộng	2.190.113.213	7.641.474.105	9.226.367.498	605.219.820	-

17. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Ngắn hạn	792.929.636	757.232.452
Lãi vay phải trả	13.399.733	32.413.881
Phí kiểm toán BCTC tổng hợp và hợp nhất	360.000.000	160.000.000
Thù lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	69.000.000	204.000.000
Các khoản chi khác	57.187.014	119.390.950
Tiền ăn ca	126.669.000	72.940.700
Phí hoa hồng môi giới	166.673.889	168.486.921
Chi phí khai thác, trồng rừng thương mại	-	-
Cộng	792.929.636	757.232.452

18. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Ngắn hạn	1.379.302.104	4.708.155.331
Kinh phí công đoàn	819.125.907	703.480.585
CTY TNHH ĐT XD AV AN LỘC PHÁT	89.722.500	-
Giá trị bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	10.000.000
Trợ cấp thôi việc + bảo hiểm xã hội	11.099.400	-
Phải trả cổ tức	17.262.450	11.628.950
Lãi dự trả	-	16.924.932
Cty TNHH MTV HR PISICO	-	2.710.000.000
Phải trả công đoàn TCTy	319.091.847	283.824.310
Các khoản phải trả khác	113.000.000	972.296.554
Cộng	1.379.302.104	4.708.155.331



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Doanh thu chưa thực hiện**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Ngắn hạn	3.007.250.971	2.865.247.433
Cho thuê Văn phòng làm việc	249.255.000	279.375.000
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	2.757.995.971	2.585.872.433
b. Dài hạn	76.017.404.413	72.327.293.321
Cho thuê cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp	76.017.404.413	72.327.293.321
Cộng	79.024.655.384	75.192.540.754

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi	Quỹ thưởng Ban QLDH	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2020	840.230.681	475.924.605	-	1.316.155.286
Tăng trong năm	300.327.257	123.598.824	120.000.000	543.926.081
- Trích trong năm	288.397.257	123.598.824	120.000.000	531.996.081
- Thu khác trong năm	11.930.000	-	-	11.930.000
Giảm trong năm	821.689.968	359.660.000	120.000.000	1.301.349.968
Tại ngày 31/12/2020	318.867.970	239.863.429	-	558.731.399

21. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2019	275.000.000.000	11.397.496.193	24.287.768.075	310.685.264.268
Lợi nhuận 2019	-	-	27.999.793.724	27.999.793.724
Chia cổ tức	-	-	(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Quỹ khen thưởng	-	-	(708.313.288)	(708.313.288)
Quỹ phúc lợi	-	-	(472.208.859)	(472.208.859)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	275.000.000.000	11.397.496.193	28.042.039.652	314.439.535.845
Tại ngày 01/01/2020	275.000.000.000	11.397.496.193	28.042.039.652	314.439.535.845
Lợi nhuận 2020	-	-	22.688.697.477	22.688.697.477
Chia cổ tức	-	-	(27.500.000.000)	(27.500.000.000)
Quỹ khen thưởng	-	-	(288.397.257)	(288.397.257)
Quỹ phúc lợi	-	-	(123.598.824)	(123.598.824)
Quỹ thưởng BĐH	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	275.000.000.000	11.397.496.193	22.698.741.048	309.096.237.241

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Cộng	-	275.000.000.000	-	275.000.000.000

Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

22. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Thuế suất thuế TNDN để XĐ giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.595.743.417	4.957.366.860
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.513.681.508)	(3.296.353.941)
	1.082.061.909	1.661.012.919

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
a. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	202.469.48	135.147.29
EURO	262.95	313.14
b. Nợ khó đòi đã xử lý	5.623.669.639	5.623.669.639
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666



TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Tổng doanh thu	220.795.718.942	408.617.184.267
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	220.795.718.942	408.617.184.267
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	142.798.615.503	319.133.105.113
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.254.677.554	85.765.880.842
Doanh thu cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	5.742.425.885	3.718.198.312

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa	135.383.488.452	295.776.980.972
Giá vốn cung cấp dịch vụ	61.214.773.285	71.501.650.246
Giá vốn cho thuê và dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp	3.397.031.266	2.586.719.928
Cộng	199.995.293.003	369.865.351.146

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Lãi tiền gửi Ngân hàng	12.010.344	9.553.096
Thu lãi ứng vốn và chậm thanh toán	4.413.811.819	4.657.051.192
Cổ tức và lợi nhuận được chia	13.735.172.318	17.480.442.400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	385.735.270	857.514.005
Cộng	18.546.729.751	23.004.560.693

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí lãi vay	1.655.083.246	3.063.241.138
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	373.589.621	366.792.950
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	64.370.923	29.089.277
Lỗ từ hoạt động đầu tư ngoài DN	4.583.476.841	1.132.112.279
Cộng	6.676.520.631	4.591.235.644

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.404.054.585	3.230.679.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.030.016	1.758.509.384
Chi phí khác	2.236.918.363	6.954.445.466
Cộng	4.451.002.964	11.943.634.064

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí nhân viên	3.974.293.983	4.064.063.497
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	876.083.750	888.936.671
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.348.611.708	2.399.302.929
Chi phí dự phòng	528.121.487	64.452.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.018.010.225	3.340.831.023
Chi phí khác	2.475.399.051	3.257.235.067
Cộng	13.220.520.204	14.014.822.146

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Lãi từ thanh lý TSCĐ	6.070.177.091	55.045.353
Xử lý nợ	826.755.059	-
Thu nhập từ đền bù GPMB	4.712.858.000	-
Thu nhập khác	106.117.417	128.945.942
Cộng	11.715.907.567	183.991.295

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí GPMB	1.015.465.920	-
Các khoản chi khác	1.232.225	528.588
Cộng	1.016.698.145	528.588

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Tổng lợi nhuận trước thuế	25.698.321.313	31.390.164.667
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận :	2.898.901.885	1.324.414.174
- Dự phòng đầu tư ngoài DN	1.908.419.520	1.132.112.279
- CP Khấu hao TSCĐ ô tô trên 1,6 tỷ	121.220.000	121.220.000
- Lãi đánh giá SD ngoại tệ năm trước	172.273	-
- Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm nay	4.664.630	-
- Các khoản điều chỉnh khác	864.425.462	71.081.895
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận:	16.443.859.069	19.308.592.595
- Lợi nhuận đầu tư ngoài doanh nghiệp	14.867.284.597	17.480.442.400
- Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	-	251.403.450
- Lãi đánh giá SD ngoại tệ năm nay	-	172.273
- Các khoản điều chỉnh khác	1.576.574.472	1.576.574.472
Tổng thu nhập chịu thuế	12.153.364.129	13.405.986.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.430.672.826	2.681.197.249

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.820.081.991	23.963.803.036
Chi phí nhân công	25.565.302.758	29.689.092.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.810.293.880	5.990.517.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.472.634.482	60.968.220.670
Chi phí khác bằng tiền	15.918.138.457	25.917.364.078
Cộng	122.586.451.568	146.528.997.925

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	4.791.421.252	4.971.645.241
Khấu hao tài sản cố định vô hình	322.140.288	322.140.288
Khấu hao bất động sản	696.732.340	696.732.340
Cộng	5.810.293.880	5.990.517.869

2. Các khoản dự phòng

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(256.896.331)	1.132.112.279
Dự phòng phải thu khó đòi	1.561.325.059	64.452.959
Cộng	1.304.428.728	1.196.565.238

3. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Lãi tiền gửi ngân hàng	(12.010.344)	(9.553.096)
Lãi tiền cho vay vốn, chậm thanh toán	(4.413.811.819)	(4.657.051.192)
Lãi lỗ đầu tư ngoài doanh nghiệp	(9.928.002.718)	(17.480.442.400)
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản	(6.070.177.091)	(55.045.353)
Cộng	(20.424.001.972)	(22.202.092.041)

4. Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Tiền vay ngân hàng	111.252.801.040	138.576.308.674
Cộng	111.252.801.040	138.576.308.674

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tiền chi trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Tiền vay ngân hàng	(123.472.003.523)	(180.826.302.915)
Cộng	(123.472.003.523)	(180.826.302.915)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Công ty con
Công ty CP DV PT Hạ tầng PBC	Công ty con
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Công ty con
Công ty CP KD CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Bidina Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Cùng chủ sở hữu

- Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Giao dịch</u>	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Lợi nhuận đã nhận	1.500.000.000	1.850.000.000
	Trả tiền huy động vốn	4.000.000.000	-
	Huy động vốn	-	4.000.000.000
	Lãi vay	60.624.658	16.924.932
	Cho thuê VP	480.000.000	480.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Lợi nhuận được chia	1.499.400.000	2.935.050.000
	Mua hàng	-	90.094.033.845
	Bán hàng	-	5.425.208.400
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Trả nợ	2.710.000.000	-
	Góp vốn	-	5.000.000.000
	Cho thuê VP	111.031.684	-
Công ty CP CNN Bình Định	Lãi ứng vốn	489.913.996	669.747.800
	Ứng vốn	5.545.000.000	-
	Thu hồi vốn đã ứng	4.000.000.000	-

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan	Giao dịch	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Bán hàng	2.346.309.854	4.268.594.602
	Cổ tức được chia	2.250.750.000	4.201.400.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Cổ tức được chia	4.624.290.318	1.816.742.400
	Hoàn góp vốn	5.505.280.000	-
	Mua hàng	4.844.290.600	-
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Bán hàng hoá	6.081.355.900	6.224.378.900
	Cho thuê CSHT	802.145.905	795.138.025
	Cổ tức được chia	2.029.032.000	2.226.000.000
	Mua hàng	102.033.030.082	137.943.345.817
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cho thuê VP	99.151.824	92.944.261
	Lãi ứng trước tiền hàng	1.068.510.957	1.105.000.000
	Thu hồi ứng trước	2.700.000.000	-
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Lãi ứng trước tiền hàng	795.760.273	2.795.000.000
	Thu hoàn ứng trước	43.000.000.000	-
	Cho thuê VP	115.237.524	92.944.261
	Doanh thu bán gỗ	5.244.080.916	557.617.500
	Mua vật tư trừ công nợ	565.153.585	-
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Cho vay	25.410.000.000	14.220.780.000
	Thu hồi nợ vay	6.000.000.000	-
	Lãi cho vay	2.059.626.593	87.303.392
	Trả cổ tức	26.627.000.000	22.100.410.000
Công ty Bidina Lào	Chuyển hộ phí vận chuyển	72.335.000	-
	Mua gỗ	45.354.600	139.228.076

- Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn	Phải trả khác ngắn hạn	-	16.924.932
	Vay tài chính ngắn hạn	-	4.000.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	-	1.850.000.000
Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Phải thu khách hàng	-	1.185.836.500
	Phải thu khác ngắn hạn	1.499.400.000	2.935.050.000
Công ty TNHH MTV HR PISICO	Phải trả khác	-	2.710.000.000
	Phải thu khách hàng	-	-
Công ty CP CNN Bình Định	Phải thu về cho vay	5.734.220.000	4.189.220.000
	Phải thu khác ngắn hạn	1.159.661.796	669.747.800

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan	Khoản mục	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Nội thất Pisico	Phải thu khác ngắn hạn	2.250.750.000	2.100.700.000
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Phải thu khác ngắn hạn Phải trả nhà cung cấp	165.013.518 -	990.950.400 -
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Phải thu khách hàng Phải thu khác ngắn hạn	3.767.018.400 2.029.032.000	1.160.399.230 2.226.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Phải thu khách hàng Ứng trước cho người bán Phải thu khác ngắn hạn	46.267.418 14.300.000.000 2.173.510.957	55.488.800 17.000.000.000 1.105.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	Ứng trước cho người bán Phải thu khác ngắn hạn	- 3.590.760.273	43.000.000.000 2.795.000.000
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu khách hàng Phải thu về cho vay Phải thu khác ngắn hạn	6.662.872.502 33.630.780.000 2.146.929.985	1.507.579.550 14.220.780.000 87.303.392
Công ty Bidina Lào	Phải trả nhà cung cấp	-	139.228.076

Bình Định, ngày 29 tháng 01 năm 2021



Nguyễn Ngọc Minh
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh
Tổng giám đốc